

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 15-7-2025

V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Mỹ Trang

Bà Vũ Thị Đuộm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 2, tòa nhà S, A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lê Việt T, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: B H, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

2. Ông Hà Văn K, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: B H, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

3. Ông Ngô Quốc S, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: B H, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

4. Bà Trần Thị Diệu H, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: B H, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2025*).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Huỳnh N, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai).

*(Bà H có mặt, ông T, ông K, ông S và
bà N vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trình bày:*

- Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V) đã ký với bà Lê Thị Huỳnh N các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 1359569.22 ngày 19/01/2022 với nội dung: VIB cho bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 1.950.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh nắm các loại. Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8.50%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu và chỉ được áp trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, lãi suất này sẽ được V chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.2%/năm. Ngày trả lãi: Ngày 30 hàng tháng.

Ngày 31/10/2023, V đã giải ngân cho bà Lê Thị Huỳnh N với số tiền 1.950.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 1359569.2.22 theo đúng yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh N và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng tín dụng số 104039498.23 ngày 12/01/2024 với nội dung: VIB cho bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 1.400.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô mới tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.00%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: 14.40%/năm) và chỉ được áp trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.90%/năm. Ngày trả lãi: Ngày 12 hàng tháng.

Ngày 12/01/2024, V đã giải ngân cho bà Lê Thị Huỳnh N với số tiền 1.400.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 04039498.23 theo đúng yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh N và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

+ Thẻ tín dụng: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ ngày 27/10/2023, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Huỳnh N chi tiết như sau: Số thẻ: 513094*****1412; Loại thẻ: V; Hạn mức: 100.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

- Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường

B, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021. Tài sản này được thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp số 7769123.22.654 số công chứng: 495, Quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai công chứng công chứng ngày 19/01/2022.

+ Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, số loại: GLC 300 4Matic, 2.0L AT màu đen, biển kiểm soát 60K - 403.87. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 0036116.24 ngày 12/01/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Huỳnh N đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm 15/7/2025, bà Lê Thị Huỳnh N đã trả được 136.080.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 237.306.019 đồng. Mặc dù V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng bà Lê Thị Huỳnh N vẫn vi phạm nội dung đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Khoản nợ của bà Lê Thị Huỳnh N đã chuyển sang quá hạn từ ngày 12/09/2024. Tạm tính đến ngày 15/07/2025, bà Lê Thị Huỳnh N còn nợ V với tổng số tiền là 3.808.178.121 đồng, gồm:

- Tổng nợ gốc là: 3.313.701.994 đồng, trong đó:

- Nợ gốc theo hợp đồng số 1359569.22 là: 1.950.000.000 đồng

- Nợ gốc theo hợp đồng số 104039498.23 là: 1.263.820.000 đồng

- Nợ gốc thẻ tín dụng số 100002915266 là: 99.881.994 đồng

- Tổng nợ lãi trong hạn là: 142.625.411 đồng, trong đó:

- Nợ lãi trong hạn theo hợp đồng số 1359569.22 là: 19.377.127 đồng

- Nợ lãi trong hạn theo hợp đồng số 104039498.23 là: 123.248.284 đồng

- Tổng nợ lãi quá hạn là: 329.026.506 đồng, trong đó:

- Nợ lãi quá hạn theo hợp đồng số 1359569.22 là: 272.596.994 đồng

- Nợ lãi quá hạn theo hợp đồng số 104039498.23 là: 20.990.252 đồng

- Nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng số 100002915266 là: 35.529.260 đồng

- Tổng phí thẻ tín dụng số 100002915266 là: 22.824.210 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Huỳnh N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 15/07/2025 là 3.808.178.121 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.313.701.994 đồng, N1 lãi trong hạn: 142.625.411 đồng, lãi quá hạn là: 329.026.506 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 22.824.210 đồng.

Bà Lê Thị Huỳnh N còn phải chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày 16/07/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp bà Lê Thị Huỳnh Như K1 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC

743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 495, Quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai công chứng ngày 19/01/2022 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của bà Lê Thị Huỳnh N đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V (Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 7769123.22.654 ngày 19/01/2022).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của bà Lê Thị Huỳnh N với V. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Lê Thị Huỳnh N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V.

Về chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), Ngân hàng TMCP Q yêu cầu phía bị đơn phải chịu chi phí tố tụng nêu trên và thanh toán lại số tiền chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Huỳnh N trình bày:*

Bà xác nhận bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP Q gồm 03 khoản: khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1359569.22 ngày 19/01/2022; khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 104176882.23 ngày 12/01/2024 và khoản vay thẻ tín dụng. Bà công nhận số nợ gốc còn nợ ngân hàng V là 3.313.801.994 đồng như ngân hàng đã thống kê. Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, bà đã thế chấp cho ngân hàng 02 tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai);

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz GLC 300 4Matic, màu đen, sản xuất năm 2023.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q. Bà đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà bà đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của bà.

Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q và bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N2 đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh những yêu cầu hợp pháp của mình là thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 299, 303, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 107 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Huỳnh N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền gốc là 3.313.701.994 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Huỳnh N ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q với mục đích vay tiền để mua xe và bổ sung vốn kinh doanh nắm các loại nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện bà Lê Thị Huỳnh N có đăng ký thường trú tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đối với bà N nên xác định Ngân hàng TMCP Q là nguyên đơn, bà N là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng:

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thể hiện:

Bà N có ký kết với Ngân hàng TMCP Q các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 1359569.22 ngày 19/01/2022 với nội dung: VIB cho bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 1.950.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh nắm các loại. Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8.50%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu và chỉ được áp trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, lãi suất này sẽ được V chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.2%/năm. Ngày trả lãi: Ngày 30 hàng tháng. Ngày 31/10/2023, V đã giải ngân cho bà Lê Thị Huỳnh N với số tiền 1.950.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế

ước nhận nợ số 1359569.2.22 theo đúng yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh N và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng tín dụng số 104039498.23 ngày 12/01/2024 với nội dung: VIB cho bà Lê Thị Huỳnh N vay số tiền 1.400.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô mới tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.00%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: 14.40%/năm) và chỉ được áp trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.90%/năm. Ngày trả lãi: Ngày 12 hàng tháng. Ngày 12/01/2024, V đã giải ngân cho bà Lê Thị Huỳnh N với số tiền 1.400.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 04039498.23 theo đúng yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh N và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

+ Thẻ tín dụng: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ ngày 27/10/2023, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Huỳnh N chi tiết như sau: Số thẻ: 513094*****1412; Loại thẻ: V; Hạn mức: 100.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nêu trên dựa trên tinh thần tự nguyện giữa các bên và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5.2] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, bà N ký kết với V các hợp đồng thế chấp gồm:

+ Hợp đồng thế chấp số 7769123.22.654 số công chứng: 495, Quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai công chứng ngày 19/01/2022 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021 cho bà Lê Thị Huỳnh N. Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đã thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L xác nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên vào ngày 20/01/2022. Do đó, việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và thủ tục đăng ký tài sản đảm bảo nêu trên là đúng quy định pháp luật.

+ Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, số loại: GLC 300 4Matic, 2.0L AT màu đen, biển kiểm soát 60K - 403.87. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 0036116.24 ngày 12/01/2024.

[5.3] Tại bảng kê dư nợ khoản tiền vay của bà N ngày 15/7/2025 do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi vay, tính đến ngày 15/7/2025, bà N đã trả được cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 373.386.019 đồng, trong đó: nợ gốc là 136.080.000 đồng và nợ lãi là 237.306.019 đồng.

Tổng dư nợ của khoản vay nêu trên tạm tính đến hết ngày 15/7/2025 là: 3.808.178.121 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 3.313.701.994 đồng, nợ lãi trong hạn:

142.625.411 đồng, lãi quá hạn là: 329.026.506 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 22.824.210 đồng.

Căn cứ theo thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng cho vay theo hạn mức và các giấy nhận nợ bà N đã ký kết với Ngân hàng, bà N đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 12/9/2024.

Tại các bản sao kê giao dịch thẻ tín dụng của bà N đến ngày 15/7/2025 do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi Ngân hàng kích hoạt thẻ thì bà N đã thực hiện các giao dịch trên số tiền đã được giải ngân là 100.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 15/7/2025, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 99.881.994 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.529.260 đồng và phí là 22.824.210 đồng. Tổng số tiền bà N còn nợ đối với thẻ tín dụng là 158.235.464 đồng.

Nhận thấy, bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, đồng thời việc tính dư nợ gốc còn lại và nợ lãi trong hạn, quá hạn, phí như trên là phù hợp với những điều khoản thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng tín dụng và biểu phí của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là 3.313.701.994 đồng, nợ lãi trong hạn: 142.625.411 đồng, lãi quá hạn là: 329.026.506 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 22.824.210 đồng; tổng số tiền là 3.808.178.121 đồng.

[6] Tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021 cho bà Lê Thị Huỳnh N. Do đó, trường hợp bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ, thì bà N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, số loại: GLC 300 4Matic, 2.0L AT màu đen, biển kiểm soát 60K - 403.87. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 0036116.24 ngày 12/01/2024. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không có yêu cầu đối với tài sản thế chấp này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xác minh, thu thập chứng cứ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 3.808.178.121 đồng phải thanh toán cho nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí bị đơn phải chịu là 108.163.562

đồng (72.000.000 đồng + (3.808.178.121 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2%).

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 93, Điều 97 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 107 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

1.1. Buộc bà Lê Thị Huỳnh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền là **3.808.178.121** đồng (*Ba tỷ tám trăm lẻ tám triệu một trăm bảy mươi tám ngàn một trăm hai mươi một đồng*),

Trong đó: số tiền nợ gốc là 3.313.701.994 đồng (*Ba tỷ ba trăm mười ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn chín trăm chín mươi bốn đồng*), nợ lãi trong hạn là 142.625.411 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm mười một đồng*), lãi quá hạn là 329.026.506 đồng (*Ba trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm lẻ sáu đồng*), nợ phí thế tín dụng là 22.824.210 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm mười đồng*).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Huỳnh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1359569.22 ngày 19/01/2022, Hợp đồng tín dụng số 104039498.23 ngày 12/01/2024 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 27/10/2023.

1.3. Nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Lê Thị Huỳnh N được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021 cho bà Lê Thị Huỳnh N.

Trường hợp bà Lê Thị Huỳnh Như K1 thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 743887, số vào sổ cấp GCN: CS08158 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/12/2021 cho bà Lê Thị Huỳnh N.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ, thì bà Lê Thị Huỳnh N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

1.4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Huỳnh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

2. Về án phí: Bà Lê Thị Huỳnh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 108.163.562 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu một trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.440.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0026723 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực - Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương